

Một Khám Phá

Quý Báu Bị Lãng Quên

Pháo thủ Trần Văn Bường

Cựu CHT/PB Kiêm TMP/HQ/TK/Quảng Đức

Hằng năm cứ mỗi dịp Tháng Tư Đen đến, nhìn thấy TV chiếu cảnh những chiếc xe tăng Việt Cộng ủi sập công Dinh Độc Lập VNCH sau lời tuyên bố



đầu hàng của Tổng Thống Dương Văn Minh, lòng tôi không những mang nỗi buồn cay đắng như hầu hết Quân Dân Cán Chính sống tại Miền Nam Việt Nam trước đây mà còn vẩn vương thêm một thắc mắc không nhỏ trong đầu: “Phải chăng quân Bắc Việt đã tiến nhanh như thê một phần không nhỏ là do áp lực của xe tăng địch khiến quân ta phải e ngại, từ đó tinh thần chiến đấu dễ bị suy giảm dẫn đến sự thất bại nhanh chóng, trong đó có nhiều cái chết quá oan uổng không vì súng đạn đối phương”.

Như nhiều vị đã biết từ năm 1972, tại những mặt trận lớn, ngoài việc xử dụng pháo binh hạng nặng 130 ly và hỏa tiễn 122ly, Việt Cộng thường dùng xe tăng T54 và

TP79 làm chủ lực chính trong các cuộc tấn công ta tại các tỉnh như Kontum, Bình Long, Phước Long, Quảng Trị v.v...Lúc đó chúng ta đã chặn đứng được xe tăng địch phần chính là do bom từ phi cơ, mìn bẫy hoặc các đơn vị thiện chiến của ta, trong đó nổi bật nhất là đơn vị Biệt Cách Dù đầy dũng cảm đánh đổi mạng sống quý báu của mình bằng mọi cách tiến gần xe tăng địch trong vòng một trăm thước mới hạ chúng bằng hỏa tiễn cầm tay M72. Nhưng vào cuối tháng 11 năm 1973, Việt Cộng vẫn tưởng bở cứ tin rằng xe tăng chúng thuộc loại “mình đồng da sắt” bất trị đối với quân ta nên chúng tiếp tục áp dụng chiến thuật cũ ‘tiền thiết giáp hậu bộ binh’ tại căn cứ Buprang và Bubong thuộc Chi Khu Kiến Đức, tỉnh Quảng Đức; không ngờ bị pháo binh ta dùng đạn khói tiêu diệt một cách dễ dàng. Quảng Đức là tỉnh phía Nam của Quân Khu II giáp với tỉnh Phước Long thuộc Quân Khu III dọc theo quốc lộ 14, ranh giới Campuchia-Việt Nam.

Căn cứ Buprang rất rộng được xây dựng khá lâu, hầm hố kiên cố do lực lượng Mỹ bàn giao lại, nằm hướng Tây Bắc của chi khu Kiến Đức, sát Quốc lộ 14. Căn cứ được bao quanh bởi nhiều lớp hàng rào kẽm gai và mìn bẫy chằng chịt, đang được bảo vệ bởi hai tiểu đoàn Địa Phương Quân; một của Tiểu khu Quảng Đức và một của tiểu khu Khánh Hoà. Trong căn cứ hiện có một đại đội Công Binh khai hoang, (ban ngày hoạt động bên ngoài hầu nói rộng thêm tầm hoạt động an toàn cho quân bạn, đêm về phải rút vào lại căn cứ) và 4 khẩu đại bác 105 ly của Tiểu Khu Quảng Đức. Chỉ huy mặt trận đó do Trung tá Trường Sơn (Trường Sơn), Tiểu khu phó TK/Quảng Đức và Trung tá Nguyễn (?) Khâm, tiểu khu phó TK/Khánh Hòa. Thiếu tá Nguyễn Hữu Nghĩa chỉ huy trưởng pháo binh TK/Quảng Đức cũng ở trong căn cứ

này. Bubong chỉ là một tiền đồn nhỏ nằm hướng Đông Bắc của căn cứ Buprang và cách căn cứ này khoảng bốn cây số đường chim bay. Trong đó có một trung đội pháo binh 105 ly (2 khẩu) do Trung úy Nguyễn Văn Năm, người tỉnh Bến Tre, khoá 4/68TD chỉ huy, được bảo vệ bởi chi đội thiết vận xa M113 thuộc Sư Đoàn 23/BB.

Vào cuối tháng 11 năm 1973, với tư cách sĩ quan phối hợp hỏa lực Quân Đoàn II, tôi (Trần Văn Bường



K18ĐL) tháp tùng Đại tá Nguyễn Trọng Luật, Chỉ huy trưởng tiền phương Quân Đoàn II, đáp trực thăng từ Pleiku đến Tiểu Khu Quảng Đức để chỉ huy mặt trận tại Buprang thuộc chi khu Kiên Đức (Chi Khu Trưởng là Thiếu tá Nguyễn Khắc Hiếu K19ĐL), bị địch bao vây gần tháng nay chưa giải toả được.

Bộ chỉ huy nhẹ tiền phương chúng tôi đến Tiểu Khu Quảng Đức vào lúc xế chiều và phải nghỉ qua đêm tại dinh tỉnh trưởng Quảng Đức (Trung tá Nguyễn Văn Thiên). Khoảng tám giờ sáng hôm sau, khi những lớp sương mù đã tan dần trên những sườn đồi rải rác trong tỉnh, chúng tôi đáp trực thăng đến thị sát căn cứ Buprang.

Vừa rời khỏi trục thăng tại căn cứ chúng tôi đi thẳng ra thăm Bộ Chỉ Huy tiền phương của liên đoàn Địa Phương Quân đang hành quân bên ngoài. Tình hình tại đây có vẻ yên tĩnh về ban ngày nhưng ban đêm bị quấy rối thường xuyên. Theo lệnh Đại tá Nguyễn Trọng Luật, đích thân tôi phải điều chỉnh tác xạ nhiều loạt đạn pháo binh 105 ly yểm trợ quân bạn đang hành quân mở đường về hướng Tây Bắc căn cứ, sau đó điều chỉnh những hỏa tập tiên liệu bảo vệ quân bạn rồi ngưng tác xạ theo lệnh Trung tá Nguyễn Khâm để phi cơ sắp vào vùng thả bom những nơi nghi ngờ có địch. Chừng hai mươi phút sau, hai chiếc phản lực cơ vào vùng thay nhau dội bom những mục tiêu đã dự định. Rủi thay một chiếc bị súng phòng không địch bắn hạ và viên phi công nhảy thoát ra ngoài, rơi sát bên kia biên giới Miên Việt. Cũng may sau đó anh được cứu thoát bởi chiếc trục thăng thuộc phi đoàn 219, Trục Thăng Pleiku do Trung úy Lượng là phi cơ trưởng. Chính anh Lượng sau khi thả chúng tôi xuống căn cứ Buprang rồi bay về lại tiểu khu Quảng Đức chờ lệnh. Khi nhận được tín hiệu kêu cứu của viên phi công trên, anh Lượng đã dũng cảm bay thấp sát qua lãnh thổ Campuchia cứu thoát anh phi công phản lực một cách an toàn. Gần hai giờ trưa, trước khi rời căn cứ ra về, tôi được lệnh thay Thiếu tá Nguyễn Hữu Nghĩa đi phép mấy ngày nhưng anh Nghĩa từ chối và cảm ơn tôi vì vợ con anh từ thị xã Gia Nghĩa (Quảng Đức) mới lên thăm đang ở lại trong trại. Vì vậy tôi cùng Đại tá Luật lại đáp trục thăng về lại Tiểu khu Quảng Đức (Chiếc khác mới lên thay chiếc của Tr/u Lượng). Khi sáng, lúc vừa đặt chân xuống căn cứ Buprang tôi nhận thấy nơi đây rộng bao la nhiều sắc lính đóng chung đi lại lung tung như thể khó lòng phân biệt địch và bạn lúc tối trời. Nếu bị đánh đặc công thì nguy hiểm quá khó lòng trở tay kịp.

Và nếu thay Thiếu tá Nghĩa ngay lúc này, ưu tiên là phải lo làm chướng ngại vật, thường ta dùng kềm gai vòng (concertina) kéo về đêm hầu ngăn cản địch nếu bị đánh đặc công. Hiện tại ở đây không có sẵn vật liệu này và nếu chờ từ hậu cứ (tỉnh) mang lên quá xa chắc không kịp mà chưa chắc hậu cứ đã có sẵn. Cách phòng thủ lơ là như trên làm tôi liên tưởng đến trận bị đánh đặc công tại căn cứ 41A sát chân Đèo Chupao, sát Quốc Lộ 14B gần giữa đường Pleiku đi Kontum rạng ngày 19/6/1972, mà kẻ này thoát chết hôm đó. Tôi xin trích một đoạn trong bài “Pháo Thủ Chupao” được đăng trong Đặc San Ân Tình tỉnh Bình Thuận và vài tờ báo khác cách nay mười năm cũng cùng tác giả.

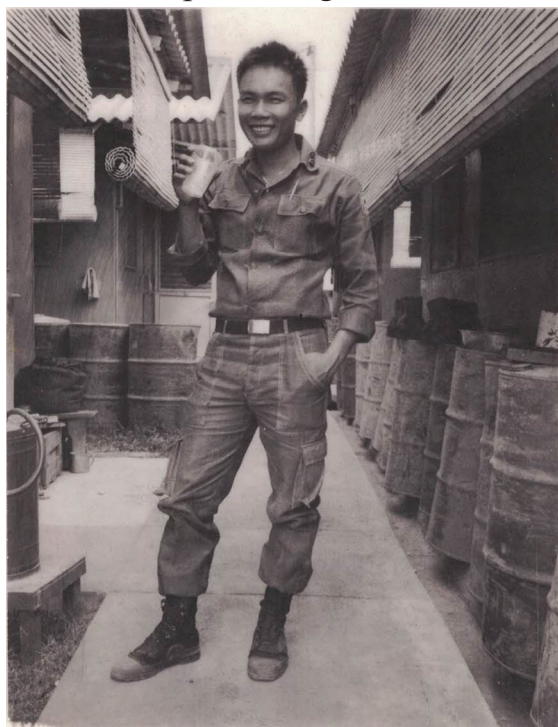
..... Ngày 18 tháng 6 năm 1972 Pháo đội 105ly (6 khẩu) thuộc Tiểu Đoàn 233/PB của tôi vừa vào thay thế pháo đội bạn chỉ có một ngày; đóng trong căn cứ 41A với Bộ Chỉ Huy Liên Đoàn 22 Biệt Động Quân/Biên Phòng do Trung tá Dương Đức Mai làm Liên Đoàn Trưởng. Pháo đội có nhiệm vụ yểm trợ hỏa lực trực tiếp cho Liên Đoàn này. Riêng tiểu đoàn 72(?)BDQ/BP của Thiếu tá Đồng Đăng Khoa (k19DL) ban ngày phải hành quân mở đường, bứng các chốt Việt Cộng cố bám giữ dọc theo quốc lộ 14B, ban đêm phải lui vào phòng thủ căn cứ bảo vệ chúng tôi và Bộ Chỉ Huy Liên Đoàn. Bỗng nhiên vào khoảng bốn giờ sáng ngày 19/6/72 có nhiều tiếng nổ lớn đồng loạt, liên tục trong căn cứ và quanh vị trí pháo đội tôi mà không nghe một tiếng súng cá nhân nào. Chỉ sau chừng một phút tỉnh thức tôi nhận định chính xác địch đã sử dụng chất nổ beta chứ không phải pháo kích, nghĩa là quân đặc công Cộng Sản bằng cách nào đó đã chui được vào trong căn cứ mà không nghe thấy phe ta phản ứng gì cả. Phải chăng lính gác BDQ đã ngủ mê bị hốt hết rồi! Chúng tôi định

nhảy ngay xuống đài tác xạ (hầm tính yếu tố bắn, nằm ngang mặt đất), nhưng sợ lính mình tưởng địch bắn làm thì sao? Vì vậy tôi vẫn ngồi yên trước cửa hầm ngủ ra lệnh cho anh hạ sĩ quan truyền tin: “Mang máy lên cho tao Thạch”. Lệnh tôi vừa ban ra liền được trả lời bằng hai tiếng nổ âm âm của bêta ngay sát miệng hầm (hầm ngủ che bằng tôn cong hình bán nguyệt được phủ bởi lớp bao cát chung quanh và thùng gỗ chứa đất che cửa trước hầu tránh đạn súng cối 82ly). Bị hơi nổ quá mạnh dội vào ngay cửa hầm, tôi ôm ngực than: “Tao chết rồi Anh ơi”! Trung úy Nguyễn Văn Anh, sĩ quan phụ tá ngủ chung hầm với tôi liền nói: “Đại úy vào để tôi ra ngoài”. Vừa nói trung úy Anh vừa kéo tôi vào trong và ra ngoài sát cửa chờ chạy xuống hầm tác xạ. Tôi đang loay hoay xem mình bị thương chỗ nào thì Trung úy Anh lại kêu lên sau mấy tiếng bêta nổ tiếp đó: “Tôi chết rồi Đại úy ơi”! Sau một phút nhận thấy cả hai chỉ bị tức ngực thôi chưa đến nỗi nào nên chúng tôi quyết định bằng mọi cách phải chạy xuống hầm tác xạ để điều động đơn vị ra phản công ngay. Không còn chần chừ nữa, cả hai chúng tôi vừa chạy vào đài tác xạ vừa la lớn “tao xuống hầm đừng bắn” để quân ta trong đài tác xạ khỏi tưởng lầm là địch. Chúng tôi vừa chui lọt qua miệng hầm thì nhiều tiếng bêta nữa liên tiếp nổ theo khiến đất bụi bay mù mịt trước cửa hầm tác xạ. Liền đó chúng tôi bung ra các khẩu đại bác hô hào cho thuộc cấp nhảy ra phản công. Ra đến nơi thấy hai trong sáu khẩu súng đại bác đã bị hư vì bêta hoặc B41 của địch. Chúng tôi liền sử dụng đạn chống biển người Believe trực xạ về hướng địch; mặt khác tại các điểm gác (ngăn cách với súng đại bác) các pháo thủ cũng dùng vũ khí cá nhân thanh toán mục tiêu trước mặt. Loại đạn Believe này lớn như đạn đại bác thường nhưng bên trong chứa hai nghìn mũi tên kim

loại bằng cây đinh lớn. Phản công được mấy phút đơn vị tôi bị hư thêm một khẩu đại bác và một Trung sĩ hy sinh theo súng. Chẳng bao lâu sau đó, chúng tôi đã làm chủ tình hình khiến địch rơi vào thế bị động không còn cựa quậy được đành mang đầu máu trốn chạy trốn chết không kịp mang theo xác đồng đội cùng vũ khí. Đang khi phản công mãnh liệt, có một số anh em BĐQ trốn gần đó vừa chạy vào bên hông vị trí tôi vừa la lớn: “Tụi em BĐQ đừng bắn Đại úy”. Trời tối om chỉ thấy loáng thoáng bóng người chứ không phân biệt được ai nên tôi ra lệnh họ: “Vào phía sau ngòi hết, chạy bậy bắn chết bỏ”. Nếu họ là địch chắc tôi bị mấy loạt AK hay mấy quả bêta xong rồi. Sau gần một giờ phản công tiếng súng dứt hẳn, lúc bảy giờ những tia sáng bình minh đang lập ló từ chân trời xa xa. Tôi cho thuộc cấp thu dọn chiến trường. Địch “gửi lại” 19 xác chết mặt mày non choẹt cộng với hơn mười mấy khẩu AK47 bá xếp và B41, hai máy truyền tin màu cứt ngựa và hai khẩu K54. Riêng một ít súng M16 và M72 của anh em BĐQ chúng tôi nhặt được (VC lấy của lính BĐQ/BP lúc mới chui vào), tôi giao lại cho vị Tiểu Đoàn Trưởng BĐQ. Phần BĐQ thiệt hại không đáng kể. Riêng pháo binh bị thiệt hại ba khẩu đại bác và một trung sĩ hy sinh (bị đặc công như thế mà chỉ một quân nhân hy sinh là rất may). Mười chín (19) xác địch chết, tôi cho thuộc cấp đào một hố lớn chôn tập thể gần sát ngoài bờ rào. Khoảng bảy giờ sáng, sương mù đã tan dần nơi chiến địa, Chuẩn tướng Trần Văn Hai, Tư Lệnh Phó Quân Khu II đáp trực thăng xuống thăm căn cứ. Trung tá Dương Đức Mai và tôi đón chào và hướng dẫn Chuẩn Tướng Hai đi quan sát trận địa. Lúc đó, Trung tá Mai trình với Chuẩn Tướng: “Thưa Thiếu Tướng, khi hôm chỉ có pháo binh đánh giặc, nếu không chúng tôi sẽ bị thiệt hại nhiều. Sau đó

cổ vấn Mỹ của Liên Đoàn sang bắt tay tôi và cảm ơn chúng tôi đã cứu họ.

Sau trận phản công thừa chết thiếu sống này tôi được



thăng cấp Thiếu tá đặc cách tại mặt trận tháng 6/72 (được điều chỉnh thiếu tá thực thụ 1/4/73) và một tháng sau tôi nhận được thêm một huy chương bạc của Mỹ do cổ vấn LĐ 22/BĐQ đề nghị. Tháng 7/72 từ TĐ233/PB tôi được chuyển đến giữ chức vụ Tiểu Đoàn Phó

TĐ69/PB đóng tại Ngã Tư Biên, Pleiku.

Trong trận này chúng tôi rất may mắn không bị bêta địch sát hại từ đầu là nhờ những vòng kẽm gai ngăn cách chúng khá xa (khoảng 20 thước). Nếu không có các lớp kẽm gai hộ mệnh rút từ kinh nghiệm đau thương của quân bạn trước đây chắc chúng tôi “đi tàu suốt” rồi. Sự thành công rực rỡ trên cũng nhờ biết lo xa, học hỏi những kinh nghiệm từng xảy ra với quân bạn bị đặc công đánh trước đó. Kinh nghiệm rất đơn giản: “khi đặc công địch lọt vào căn cứ đang lúc chúng ta còn ngái ngủ, họ cố chạy đến các miệng hầm càng nhanh càng tốt để đồng loạt ném những khối bêta vào các hầm chỉ

huy hay hầm ngủ. Ta cũng không ý lại vào lính gác lắm vì ban ngày hành quân mệt mỗi tối dễ ngủ mê không hoàn thành được nhiệm vụ”. Nhờ biết được những kinh nghiệm này, mỗi khi hành quân tôi luôn cho đem theo nhiều dây kẽm gai vòng kéo ngăn cách (về đêm) với các đơn vị bạn phòng thủ bên ngoài và từ nửa đêm đến bốn giờ sáng lính phải gác đôi. Lần tấn công này Việt Cộng lắm, tưởng dễ ăn như những nơi khác trước đây nên sau khi âm thầm vượt qua các lớp bờ rào cố định bên ngoài do Biệt Động Quân Biên Phòng bảo vệ, chúng chạy đi khắp nơi hành động theo ý họ. Nào ngờ hôm nay chúng bị dội lại bởi những hàng rào kẽm gai vòng ngăn cản khiến họ bị thất bại nặng nề.

Ai dè, sự lo ngại của tôi như nói trên về căn cứ Buprang trở thành sự thật ngay hôm đó dù trước khi rời căn cứ này về lại tỉnh, Đại tá Nguyễn Trọng Luật đã nhắc nhở cấp chỉ huy tại đây mấy lần về vấn đề phòng thủ căn cứ. Riêng với chức vụ khiêm nhường của kẻ này tôi không dám xía vào sợ cho là ‘múa rìu qua mắt thợ’.

Đêm đó vào lúc chín giờ tối, Trung tá Khâm báo với Đại tá Luật: “Vừa bắt được một tên Việt Cộng đang cắt hàng rào phòng thủ chui vào căn cứ. An ninh đang khai thác tên này và họ cũng cho biết trong đêm có tiếng xe chạy”. Đại tá Luật bảo Trung tá Khâm cố gắng khai thác tin tức và nhắc nhở lính gác quan sát cẩn thận. Vậy mà vào khoảng bốn giờ sáng hôm đó, đang lúc mọi người còn chìm sâu trong giấc ngủ, chúng tôi được báo cáo khẩn cấp từ LĐ/ĐPQ tại căn cứ Buprang: “Địch đang tấn công mạnh chúng tôi”. Chừng mười lăm phút đôi thoại ngắn ngủi, chúng tôi không còn liên lạc được căn cứ này nữa. Đại tá Luật và tôi vội rời nơi ngủ sang trung tâm hành quân /TK/QĐ (cách dinh tỉnh trưởng chừng 400 thước). Tại đây chúng tôi cũng chỉ liên lạc được với

trung đội pháo binh tại tiền đồn Bubong mà thôi. Đồn này cũng không liên lạc được với các cánh quân bên căn cứ Buprang.

Ngay trưa ngày hôm đó vợ chồng của Thiếu úy Tám (trung đội trưởng pháo binh trong căn cứ Buprang) trốn thoát về gặp tôi cho biết như sau: “VC cắt hàng rào kẽm gai đột nhập vào căn cứ lúc nào không biết, bỗng nhiên nghe nhiều tiếng bêta đồng loạt nổ vang rền khắp nơi trong căn cứ và đài tác xạ pháo binh bị sập. Chúng chạy đầy vị trí ta không thể nào phản ứng kịp”. Lợi dụng trời tối vợ chồng anh Tám liêu mạng chui ra khỏi các lớp hàng rào phòng thủ đầy mìn bẫy và may mắn được sống sót. Sau trận này nhiều sĩ quan cao cấp bị báo cáo mất tích trong đó có Trung tá Trường Sơn, Trung tá Nguyễn Khâm và vợ chồng Thiếu tá Nguyễn Hữu Nghĩa. May thay tôi chưa có tên trong sổ “Phong Thần” nên Thiếu tá Nghĩa hy sinh thể. Từ đó đến nay cũng không nghe tin tức gì về các vị này. Lẽ ra tôi không viết lại sự đau thương này của đồng đội mình nhưng vì có liên quan chính đến đề tài hôm nay. Kính nguyện cầu hương linh (linh hồn) của các thượng cấp cũng như các chiến hữu hy sinh tại căn cứ Buprang được sớm về Cõi Vĩnh Hằng.

Chiếm căn cứ Buprang xong không khó, VC chờ lúc bầu trời vừa hừng sáng chúng cho đoàn xe tăng T54 bắt đầu tiến đến đồn Bubong cách đó chừng bốn cây số đường chim bay. Đoàn xe tăng chúng hùng hổ tiến về hướng đồn Bubong một cách tự tin thoải mái như chỗ không người. Đây là lần đầu tiên Trung úy Nguyễn Văn Năm thấy xe tăng địch xuất hiện. Mặc dù hơi e ngại nhưng anh vẫn tin tưởng đại bác 105 ly sẽ thiêu hủy tăng T54 không còn manh giáp nào. Khi thấy xe địch xuất hiện từ xa, Trung úy Năm cho lệnh các khẩu đại bác hạ thấp nòng súng hướng theo đoàn xe địch, chuẩn

bị đầu đạn nổ nhanh và đầu đạn xuyên phá sẵn sàng trực xạ (bắn thẳng mục tiêu). Cũng cần biết, đầu đạn nổ nhanh vừa chạm mục tiêu là nổ ngay trong khi đó đầu nổ xuyên phá phải xuyên qua mục tiêu mới nổ (nếu mục tiêu không cứng lắm); trường hợp gặp sắt thép dày viên đạn không xuyên qua nổi, bị trượt nổ bên ngoài. Với đại bác 105ly, từ khoảng cách xa 1750 thước trở lại, viên đạn sau khi được bắn ra khỏi nòng súng sẽ đi một đường thẳng, sau đó sẽ yếu dần và đi theo đường cong Parabol. Đạn đã nạp vào nòng, mục tiêu (xe) luôn nằm đúng trong máy nhắm chỉ chờ lệnh trung úy Năm là giật cò súng. Khi các xe đi đầu đã lọt vào tầm đạn đạo, anh Năm liền hô “Bắn”, vậy là các xạ thủ giật cò đạn nổ đi thẳng một đường đến mục tiêu như cây thước kẻ. Với tầm xa này xe địch chưa có vũ khí nào bắn trả lại ta được nên các xạ thủ cứ tự nhiên bắn. Sau khi bắn trúng hai xe tăng địch giọng nói anh Năm lại không được bình tĩnh lắm khi báo cáo qua máy truyền tin tại TTHQ/TK/Quảng Đức: “Tăng địch bị trúng đạn nổ nhưng nó chỉ khựng nhẹ một chút rồi lại tiếp tục chạy tới thăm quyền ơi”! Khi nghe báo cáo như vậy, Đại Tá Nguyễn Trọng Luật xoay ngang nhìn thăm dò phản ứng của tôi. Sau mười giây đồng hồ suy nghĩ cách đối phó .. “Nếu đạn khói pháo binh không diệt được tăng địch thì ít ra cũng gây thương tích nặng cho quân chúng ngồi trên hoặc trong xe bằng chất lân tinh (phospho) chứa sẵn”. Tôi liền ra lệnh anh Năm: “Hãy nạp đạn khói bắn cho tôi”. Có thể anh Năm sẽ thắc mắc tự hỏi tại sao đạn nổ không hề hấn gì lại xử dụng đạn khói! Dù hoài nghi vậy anh vẫn thi hành lệnh tôi. Rồi chừng hơn một phút sau, từ loa truyền tin phát ra những tiếng reo hò mừng rỡ của người anh hùng pháo thủ Nguyễn Văn Năm: “Hai chiếc tăng địch đi đầu bị trúng đạn khói phà lửa nằm tại chỗ rồi, còn đoàn xe

tăng phía sau sợ, đâm đầu chạy lủi vào rừng thông gần đó”. Kèm theo lời báo cáo về thành quả bất ngờ đó là những tiếng cười nói sung sướng hơn hờ của các pháo thủ văng vẳng từ các khẩu đội vang dội trong máy. Ngay cả những người có mặt trong phòng hành quân tiểu khu Quảng Đức đều biểu lộ sự vui mừng trên nét mặt, quên đi phần nào sự lo âu số phận chiến hữu mình từ khi mất liên lạc với căn cứ Buprang. Dĩ nhiên tôi cũng thích thú vô cùng vì “nào ai ngờ” đạn khói pháo binh lại tạo nên một kết quả quá bất ngờ như vậy. Một khám phá quý báu về đạn khói pháo binh hủy xe tăng địch một cách dễ dàng mà từ trước tới nay chúng tôi chưa hề nghe thấy trong binh thư của Pháp, Mỹ, Việt.

Tiết thay, trong khi lính pháo binh đang vui mừng hăng say diệt tăng địch không khó thì đơn vị bạn bảo vệ trung đội anh Năm nhận thấy lực lượng ta (M113) quá yếu so với xe tăng địch nên thúc giục anh phải rút bỏ đồn, nếu không họ bỏ lại. Mặc dù Trung úy Năm đã cố gắng nài nỉ thuyết phục họ ở lại chiến đấu cùng anh với lý do ta đã trị được xe tăng địch: “Chúng sợ chạy trời chết thì làm sao dám bén mảng đến đây nữa”. Vậy mà “bạn ta” cứ nằng nặc đòi phải rút. Ý chí quyết thủ tại chỗ của Trung úy Nguyễn Văn Năm vang to trong TTHQ/TK/QĐ như vậy mà chẳng thấy ý kiến của Đại tá Luật (chắc Đại tá ước tính hình thế nào đó) và chính kẻ này cũng không thể chịu theo ý muốn của Trung úy Năm mà chỉ âm thầm nuôi tiếc. Chúng ta đều biết nhiệm vụ chính của pháo binh là yểm trợ đơn vị bạn còn trực tiếp chiến đấu thường là ở thế bất khả kháng. Vì không thuyết phục được đơn vị bạn cùng ở lại chiến đấu, anh Năm đành phải ngậm ngùi uất ức rời bỏ thương cấp, đồng đội mình bên kia căn cứ Buprang, phá hủy hai khẩu đại bác tháp tùng đoàn thiết vận xa M113 ...rút...

chạy..., mang theo bao nõi uất hận không nguôi. Gần nửa giờ sau, khi sương mù đã tan hẳn nơi vùng cao nguyên ‘khỉ ho cò gáy’ này, quan sát viên phi cơ vừa vào vùng báo cáo ngay có hai xe tăng địch phơi xác tại trận.

Khoảng 9 giờ sáng hôm đó Bộ Chỉ Huy nhẹ tiền phương của SĐ23/BB được trực thăng vận đến TK/QĐ trong đó có Trung tá Đặng Nguyên Phả, CHT/PB/SĐ23/BB được tôi báo cáo sự kiện này. Rất tiếc sau đó quân ta không thể tái chiếm lại nơi này nên không biết hiệu quả chính xác của đạn khói pháo binh hủy tăng địch như thế nào. Chừng tuần lễ sau khi Buprang thất thủ, Đại tá Nguyễn Trọng Luật về nhận chức Tỉnh Trưởng DaKlak (vào cuối tháng 12 năm 1973).

Giữa tháng 1/1974, trước mặt Trung tướng Nguyễn Xuân Thịnh, Chỉ Huy Trưởng Pháo Binh Quân Lực VNCH, tôi đã trình bày diễn tiến trận đánh hôm đó và quả quyết “Đạn khói pháo binh trị được xe tăng địch”. Tôi báo cáo có nhiều sĩ quan khác tại đồn Bubong và TTHQ/TK/QĐ đã chứng kiến sự kiện này trong đó tôi không quên nhắc đến Đại tá Nguyễn Trọng Luật và Trung tá Đặng Nguyên Phả dù vị này mới lên sáng hôm đó và cả quan sát viên phi cơ thấy hai xác xe tăng nằm chết tại chỗ. Sau khi phúc trình với Trung Tướng về sự khám phá bất ngờ cực kỳ quý báu này, người tôi cảm thấy sảng khoái nhẹ nhõm làm sao. Tôi định ninh sau khi nhận báo cáo chín chắn này của người trong cuộc, Bộ Chỉ Huy Pháo Binh sẽ gấp rút kiểm chứng bằng cách xác nhận lại những thành viên có mặt tại hiện trường đồng thời có thể thí nghiệm thực tế với phương tiện sẵn có (lúc đó đã có vài chiếc xe tăng T54 bị ta bắt sống từ năm 1972) để đưa ra một kết luận nào đó càng sớm càng tốt cho quân ta (ít ra cho pháo binh) khắp nơi

biết, hầu ứng phó. Khi toàn quân đã biết pháo binh ta có “bửu bối” khử tăng địch không khó như nói trên, tinh thần chiến đấu sẽ tự tin hơn chứ không đến nỗi phải hoảng hốt lo sợ rời bỏ vị trí phòng thủ khi nghe thấy tiếng xe tăng mà chính kẻ này đã chứng kiến vào sáng ngày 26 tháng 3/1975 tại tiểu khu Lâm Đồng và một số nơi khác sau đó.

Vào sáng ngày nói trên, sau khi mất ba ngày ba đêm rút bỏ tỉnh Quảng Đức tới Lâm Đồng, tôi được lệnh đem quân vào phòng thủ phi trường Lâm Đồng cùng với đại đội ĐPQ/LĐ đang có mặt tại đây. Vừa tới cổng phi trường tôi rất ngạc nhiên thấy đơn vị ĐPQ/LĐ này từ trong phi trường hốt hoảng chạy ra trên mấy chiếc xe hơi hỗn tạp. Họ cho biết xe tăng địch đang tiến gần tới đầu phi đạo. Tôi cố gắng ngăn cản họ và nói lớn: “tăng địch thì có đạn khói pháo binh trị chứ sợ gì”. Anh đại đội trưởng này ngạc nhiên nhìn tôi có vẻ ngờ vực. Tôi tiếp tục cố gắng trấn an anh nhưng anh không tin, cứ cho xe chở đầy lính chạy ra khỏi cổng. Phải chăng tôi không phải là cấp chỉ huy trực tiếp của họ nên họ không tuân lệnh. Lúc bấy giờ tình hình Lâm Đồng vẫn yên tĩnh không nghe tiếng súng nào nổ. Từ đó cho đến khi tới Đà Lạt rồi Nha Trang tôi gặp nhiều sĩ quan ta kể cả các pháo thủ đều không hay biết gì về “Đạn khói pháo diệt xe tăng địch”.

Trái với tinh thần mặc cảm đối với xe tăng trên tôi xin nêu ra đây trường hợp của những chàng pháo thủ đầy tự tin đã từng chứng kiến hay đích thân dùng “Đạn khói pháo binh diệt tăng địch”. Số là, vào sáng ngày chủ nhật 9/3/75 Việt Cộng tấn công mạnh vào Bộ Chỉ Huy chi khu Đức Lập và BCH Trung đoàn 53 (-) thuộc SĐ23/BB cũng đóng trong quận này bằng hoả tiễn 122 ly và pháo binh 130 ly rồi tiếp đó dùng chiến thuật biến

người xung phong vào và hầu như địch làm chủ tình hình tại quận Đức Lập kể cả căn cứ Núi Lửa trưa hôm đó. Ngoài trừ toán quân trong chi khu của Trung tá Nguyễn Cao Vực (K13ĐL) còn cầm cự lại chúng được vài ngày; sau đó không được tăng viện phải rút bỏ. Lúc bấy giờ, trung đội pháo binh 105 ly của Trung úy Nguyễn Văn Năm (Người hùng từng dùng đạn khói pháo binh diệt tăng địch) đóng tại căn cứ Dorris sát quốc lộ 14 (giáp ranh với tỉnh Daklak và Quảng Đức) cách BCH chi khu Đức Lập 13 cây số. Đơn vị anh được bảo vệ bởi một trung đội Địa Phương Quân. Trưa hôm đó, mặc dù biết quận Đức Lập đã thất thủ, anh vẫn bình tĩnh bám giữ đồn Dorris được giao phó. Chợt thấy chiếc trực thăng C&C tôi bay trên vùng trời Dorris, anh yêu cầu tôi quan sát dùm hướng Bắc vì hình như có nghe tiếng xe tăng địch xuất hiện nhưng anh lại chêm thêm một câu đầy tự tin: “Chúng nó muốn chết hay sao mà dám vào đây ban ngày”. Tôi liền yêu cầu phi cơ trưởng (hình như anh Trần Hoài phi đoàn 219 Thần Tượng) thỏa mãn lời yêu cầu của trung úy Năm. Rất tiếc sau khi bay một vòng quan sát chẳng thấy gì, phi cơ quay về lại tiểu khu với lý do hết xăng. Sáng ngày hôm sau (10/3/75) VC lại đánh thẳng vào Ban Mê Thuột và đơn vị anh bị cô lập tôi không còn liên lạc được ai nữa. Thông thường TTHQ/TK/QĐ liên lạc với đơn vị anh phải qua trung gian đặt tại Núi Lửa mà lúc bấy giờ căn cứ này đã lọt vào tay địch. Kể từ đó cho đến ngày Ban mê Thuột thất thủ tôi không còn dịp bay C&C ra vùng anh. Cuối cùng có gặp Trung úy Năm tại Nha Trang (28 hay 29/3) trong mấy phút ngắn ngủi chưa hỏi được gì nhiều vì tôi nhận nhiệm vụ khác phải đi ngay. Chỉ được biết đơn vị anh phải hủy súng rút bỏ căn cứ Dorris sau khi được tin Ban Mê Thuột thất thủ một ngày và không còn liên lạc được

đơn vị bạn nào gần đó.

Tôi nêu ra vấn đề này để chúng ta thấy tinh thần chiến đấu giữa hai đơn vị trên khác nhau, nếu không nói là trái ngược nhau. Một đảng rất tự tin vì biết quân ta có bửu bối chống xe tăng, ngược lại đảng khác (ĐPQ/LĐ) không biết gì vấn đề này cho nên khi nghe đến tiếng xe tăng địch (dù xe tăng giả) đã ngại ngùng khiếp sợ khiến tinh thần chiến đấu sa sút.

Lúc sống trong nước tôi còn hơi nghi ngờ có thể Bộ Chỉ Huy Pháo Binh Quân Lực Việt Nam Cộng Hoà chưa phổ biến rộng rãi (có thể có nhưng giới hạn) cho toàn thể quân ta về sự khám phá này, mãi đến khi ra hải ngoại tôi mới biết rõ ràng chính Bộ Chỉ Huy Pháo Binh không có ý kiến nào nói về sự “khám phá bất ngờ quý báu” mắt thấy tai nghe đó của chúng tôi. Cách nay khoảng tám năm, sau bài “Đạn khói pháo binh trị tăng địch” của tôi được đăng trong tờ Đặc San Pháo Binh Hải Ngoại, nhiều cấp chỉ huy (đặc biệt là pháo thủ) mới biết sự khám phá độc đáo này thì đã trễ rồi (ngoại trừ ít pháo thủ làm việc tại BCH/PB/QLVNCH lúc đó). Khoảng một năm sau đó, trong ngày họp tiền hội ngộ Hội Pháo Binh Hải Ngoại tại Nam Cali, trong giờ giải lao, cựu Thiếu tướng Bùi Hữu Nhơn, cựu CHT Pháo Binh Việt Nam Cộng Hoà đầu tiên, tình cờ vỗ vai tôi hỏi: “Anh ra lệnh thuộc cấp xử dụng đạn khói pháo binh hạ xe tăng địch”? Tôi xoay ngang vừa chào Thiếu Tướng vừa nói “Dạ”. Thiếu tướng chỉ mới biết sự kiện này qua tờ Đặc San Pháo Binh thôi.

Vào năm 2013, trong chương trình “Chân dung Người Lính VNCH” trên đài TV 51.3 tại Houston, ông bà Hải Lăng và Hoàng Minh Thủy, chủ báo Xây Dựng, đã phỏng vấn tôi trong mục “Tâm tình người lính”, cuối cùng có hỏi tôi: “Sau khi hạ được hai xe tăng địch như

vậy anh và đơn vị anh có được tưởng thưởng gì không”? Câu hỏi hơi bất ngờ đối với tôi vì từ trước đến nay tôi chưa từng nghĩ đến công trạng trong trận này nên tôi hơi khựng lại một chút mới trả lời chị Thuý: “Thường thiếc gì chị! Khi nghĩ đến đàn anh mình, chiến hữu mình bị báo cáo mất tích khá nhiều, chết sống thế nào chưa biết trong trận bị đánh đặc công đó nên tôi không nghĩ đến công trạng này và chính cấp trên cũng không lưu tâm đến. Để tưởng thưởng Trung úy Nguyễn Văn Năm trong quyền hạn của mình, tôi đề cử anh là sĩ quan ưu tú trong đoàn chiến sĩ xuất sắc đi du lịch Đài Loan năm 1974.

Gần đây nhất, đầu năm 2016 trong khi trò chuyện với một người bạn cũng là cựu Thiếu tá pháo binh trước đây, tình cờ được anh cho biết về vụ “đạn khói pháo binh trị xe tăng địch” mà tôi đã trình lên Bộ Chỉ Huy Pháo Binh QLVN/CH. Sau khi học xong khoá “Pháo Binh Cao Cấp” từ Mỹ về cũng cùng thời gian tôi trình với Trung tướng Nguyễn Xuân Thịnh sự việc nói trên. Anh là người được Bộ Chỉ Huy Pháo Binh chỉ định phối hợp với Mỹ nghiên cứu vấn đề tối quan trọng này. Sau khi liên lạc với cố vấn pháo binh Mỹ, họ cũng chỉ nói binh thư Mỹ không có đề cập đến “đạn khói pháo binh bắn hạ xe tăng địch” và bản thân anh bạn cũng suy nghĩ như thế. Vậy là cho chìm xuống luôn điều “khám phá quý báu” này. Trời ơi! Đã nói là “khám phá bất ngờ mà còn dựa vào sách vở là sao??? Sắt thép dùng làm xe tăng Cộng Sản và xe tăng Mỹ có giống nhau về độ dày, mỏng không? Tỷ lệ các hoá chất dùng chế biến trong công thức sản xuất sắt thép đó có hoàn toàn đồng nhất như nhau không? Trong khi đó “Người thật việc thật” mà không tin là sao”? Một hai người nói, mình còn nghĩ họ “bị chạm thần kinh” cương bậy, chứ đằng này cả một khối người chứng kiến sự thật như vậy mà không tin

tướng, chỉ “dựa vào sách vở” thôi thì rút kinh nghiệm chiến trường để làm gì? Với quân nhân thuộc Tiểu khu Quảng Đức cũng như cá nhân tôi tuyệt đối tin tưởng “đạn khói pháo binh hạ xe tăng” không khó, nên khi rút quân khỏi tiểu khu này (23/3/75), tôi đã ra lệnh kéo theo hai khẩu đại bác 105ly cùng thêm một số đạn khói phòng khi bị xe tăng địch xuất hiện bất ngờ uy hiếp quân ta; nhờ vậy chúng tôi rất vững tâm di chuyển dù bị địch chặn đường (còn ngăn cách bởi con sông nhỏ).

Dù biết rằng Miền Nam Việt Nam bị sụp đổ nhanh chóng vào Tháng Tư năm 1975 phần chính là do người bạn đồng minh khổng lồ đã chủ tâm đánh đổ đất nước ta cho Nga Tàu, nhưng với chúng ta, thành phần chỉ huy trong chính quyền không thể trốn tránh trách nhiệm về những khía cạnh nào đó. Về mặt quân sự, là cấp cao trong quân đội được thuộc cấp báo cáo bất cứ sự kiện quan trọng nào liên quan đến quân đội mình ta phải nhanh chóng tìm hiểu trong phạm vi trách nhiệm của mình. Trường hợp đây lại là một khám phá tối quan trọng cho Quân Lực Việt Nam Cộng Hoà. Nếu toàn quân ta biết được điều này, trong vấn đề phòng thủ, ta sẽ đặt súng pháo binh tại những nơi thích hợp nghi ngờ xe tăng địch muốn tiến nhanh đến mục tiêu phải vượt qua (hay những con đường độc đạo). Làm thế, dù chúng ta không đủ quân chặn đứng được hết những nẻo đường xe tăng địch di chuyển ít ra cũng giới hạn sức tiến của chúng trong việc yểm trợ bộ binh của họ. Quan trọng hơn, nếu biết “Đạn khói pháo binh khử được xe tăng địch”, tinh thần chiến đấu quân ta sẽ hăng hái hơn nhiều chứ không phải hỗn loạn sợ hãi như một ít đơn vị mất tinh thần khi nghe thấy tăng địch xuất hiện, đưa đến những cái chết tức tưởi đau thương không vì đạn đối phương trong biến cố năm 1975”. Tiếc thay!

MỘT LẦN THỜI CŨNG ĐỦ NHỜ NGÀN ĐỜI

Đông Hương

Mỗi lần em nhớ Huế là mỗi lần em đi trong yêu thương với anh! (viết theo lời thư anh) Hôm qua máy bay vừa đáp xuống Phủ Bài, anh Bích cho xe đến đưa tôi



về nhà Bầu Vá. Mấy năm rồi, hình như gần mười năm thì phải, tôi chưa trở lại Huế. Tôi vẫn về VN thường nhưng tôi không muốn về Huế, vì Phi Vũ ơi, mỗi lần em về lại đây, sông Hương lại lụt vì những dòng nước mắt dài em đổ xuống đó. Hôm nay tôi lấy hết can đảm trở lại nơi mà con tim đầu đời đã mang một vết sẹo nghĩ là không bao giờ lành. Bầu Vá, từ ngày tôi bỏ đi xa, chừ gần như không còn gì như trước nữa, con đường Huyền Trân bụi đỏ mang đầy dấu chân anh đưa và đón tôi chừ cũng là con đường đầy bụi, nhưng không còn đỏ màu “máu con tim tình yêu anh cho em” như anh đã đặt tên cho con đường, bây giờ đủ thứ bụi, bụi xe máy, bụi xích lô bụi quán ăn hai bên đường của rác rưởi... nhưng có một thứ bụi đã làm tôi cay mắt, đó là bụi thời gian! Nói đến thời gian, tôi về đến nhà buổi chiều, giữa tranh tối tranh sáng, tôi đi chậm chậm xuống bên nhà Nội, vẫn còn hàng bông bột đỏ, mấy cây thanh trà trông gầy gò và già hẳn đi.

Tôi đứng giữa bên nhìn ngược lên, con đường lên nhà ni hình như nhỏ lại không rộng như ngày tôi còn ở với Nội, ngay cạnh hai bên tầng cấp lên vườn quỳnh của ôn, cây hoàng lan đầy hoa thơm ngát, bên tê, cây sa kê nay đã gãy ngọn vì trận lũ bão hôm tháng mười rồi. Tôi đi quanh một vòng tìm lại cây khế ngọt ngày đó, tôi hay làm nũng đòi anh hái hoa xuống làm vương niệm cho tôi.

Anh nói tại răng lại làm vương niệm bằng hoa khế tím buồn lắm, để anh hái hoa ngọc lan trước nhà làm cho em, tôi không chịu, xụ mặt dỗi hờn. Thấy hai giọt nước long lanh trong mắt tôi sắp rơi, anh vội vàng ôm tôi dỗ ngọt: - Rồi rồi xin công nương chờ chút, đây ni vương niệm của công nương đây, thần xin được đặt trên tóc ơ..thề..hi hi nì! Thấy ghét! Làm nư hoài tui bỏ cho

coi rồi ai sẽ chạy theo ai cho biết! Những lời nói đó chừ tôi nghe gió kể lại làm hình bóng anh cũng trở về ghim đầy trong tôi, nổi nhớ anh lại trào ra hồng như màu máu tím tôi. Sáng cuối cùng cạnh nhau trên ga tôi tiễn anh đi trận, những chiếc ba lô đầy trên lối đi, những tiếng khóc của vợ, của người yêu, của đơn vị bạn bè anh hôm ấy cũng trộn lẫn vào tiếng khóc âm thầm của tôi vì anh đã ra điều kiện nếu anh biết tôi sẽ khóc, anh không cho tôi đưa tiễn.

Kiếp sau em xin trời đừng cho tôi làm sân ga vì cứ phải chứng kiến những cuộc chia ly, tuy cũng chứng kiến cái vui của đoàn tụ; nhưng tôi lúc ấy đang sống trong tiễn đưa nên tôi đâm thù ga... Trở lại nói về hiện tại, thật ra lần trở về hôm nay có gì để nói không anh? Tôi chỉ nhớ được hôm tôi đang mặc mưa trước cửa trường Đồng Khánh quần áo ướt hết, em không biết làm răng để che vì thân áo mỏng quá, dán vào người, phần lạnh, phần dị, tôi ôm cặp sách che ngực cho bớt lạnh, người run cầm cập, ngóng ngóng coi chú Lan đã tới rước chưa.

Em bỗng đâm hoảng vì từ xa bên Quốc Học, một đám con trai đi về phía mình, trời biết trốn mô chừ? Mười sáu tuổi rồi, thân hình con gái đã nảy nở mà lại gặp mưa thì chết thôi!

Một tay ôm cặp che, một tay kéo nón xuống tưởng như mình núp kín không ai nhìn thấy, nhưng cũng đủ để nhìn lên nhìn những bước chân qua ngang, cũng may ai nảy đang chuyện trò nên không để ý đến cô gái tội nghiệp này. Tôi quay mặt nhìn về phía ga, chú Lan ơi, mau giùm chút, con lạnh quá rồi!

Mắc lo tìm, em không nghe tiếng chân ai đó dừng lại cạnh mình, ho khê:- Cô gì đó, tôi giựt mình quay lại, thẹn chín như gấc- Cô... à em, răng đứng đây cho mưa ướt rứa? Răng không đứng trong trường đụt mưa?-

Dạ tui à... em chờ người nhà đem xe lại đón, nếu đứng trong sân trường, sợ chú ấy không thấy với lại hỏi nãy con bạn tính cho tui à... em mượn dù nhưng hẳn thấy bạn trai hẳn lại, mừng quá hẳn bỏ quên tui... à em, tôi thiệt thà kể cho anh nghe. Anh đứng lại nói chuyện với tôi một tí, hình như thật lâu. Không có chú Lan, tôi nản chí lạ.

Làm răng về chừ? Nhà còn xa mà, mấy cây số lận! Bỗng anh nảy ra ý, anh hỏi tôi về ngã mô, tôi nói

- Dạ về Bàu Vá ngã ngược lên ga.

Anh ta nhìn tôi rồi chợt hỏi:

-Có phải cô, à, tên em là chi?

- Dạ Hà, Thương Hà.

Anh mỉm cười gật gù:

-Tên hay quá hí, Thương Hà! Mà Hà có người anh tên Bích phải không?

- Dạ đúng rồi, mà răng anh biết?

- Tui là Vũ, bạn của Bích thân lắm. (Tôi không biết anh thân thiết với anh Bích tôi hay anh nói vì tôi)



- Tui biết Bích có cô em gái nhưng không biết là Hà, gặp em tui ngỡ ngợ vì có lần gặp Bích đi phố với Hà nhưng xa quá nên không thấy rõ mặt em. Thôi bữa ni thứ bảy chiều không có lớp, tiện tui có mang dù ni, để tui đưa Hà về, tui thăm Bích luôn vì nghe hẵn bị cảm nên không đi học sáng ni có đúng không? Rồi nhân tiện Hà có cho tui ở lại ăn cơm không? Đường đột quá chắc Hà không chịu mô hỉ?

(Tôi nghĩ người mô mà dị òm rứa, mới làm quen mà đã đòi mình cho ăn cơm như quen từ....) tôi bỏ lửng ý.

- Dạ anh đã có lòng muốn đưa tui à ... em về, không lẽ để anh về bụng đói ai coi chi được nờ!....

Bao nhiêu lần đón đưa em về rồi anh hỉ sau lần đó? Cái dù chỉ đủ che một người mà lần đó lại vừa anh với tôi nên tôi phải đi sát vô anh cho khỏi ướt.

May mà bữa nớ mưa lớn chi lạ nên ít ai trên đường, chứ nếu ai thấy tôi đi với anh, mà có lúc gió thổi mạnh mưa tạt, anh lấy tay quạt vai tôi để cho dù che đủ hai đứa.

Trên đường về, anh hỏi tôi đủ thứ, (hình như anh biết về tôi rất nhiều, tại cái ông anh quý sứ của mình! tôi nghĩ, đi mô cũng hay khoe em gái! Tôi biết mình không sắc nước hương trời, nhưng biết mình có cái răng khểnh và đôi mắt nâu lạ, một cây toán của lớp đệ nhị B 2 và ưa điệu hạnh (tại mấy con bạn đặt cho tôi biệt hiệu điệu chứ thiệt tình tôi không điệu, chỉ vì tôi không muốn con trai theo, dị lắm nên ai cũng tưởng tôi kiêu sa).

Mấy ông bạn anh Bích thấy khó gần tôi được nên lại càng theo đuổi và nhiều khi còn kêu anh Bích bằng "Anh" ngọt xót, nhiều bữa Bích về, gọi tôi ra một mình, quảng cho tôi xấp thư, tôi hỏi anh Bích thư chi rứa, anh trả lời:

- Của mấy thằng tên Si bạn anh đó!

(nên chi anh biết tôi là tại rứa phải không?) Sau ni anh đến chơi thường ở nhà tôi, tôi mới biết anh là cháu của bác Trợ ở trước nhà ôn hèn chi lúc tôi mới nhìn anh, tôi thấy anh quen quen.

Chừ thì anh đã gọi anh Bích em bằng "anh" ngọt xót rồi phải không? Yêu em người ta thì gọi anh người ta bằng anh là phải rồi. Từ ngày mưa ướt áo cho đến ngày em đưa anh lên ga, hai năm dài với tình yêu đầu tiên của em mà em biết là anh cũng vậy, tuy sau ni qua mấy đứa bạn, em không dè anh là "Phi Vũ" nhà thơ nổi tiếng của Quốc Học đã làm xôn xao bao nhiêu con tim của dân Đồng Khánh mà nàng thơ lại là em cho nên chừ em đi đến đâu, tụi quý yêu bạn bè chào xáo, ghen tị đến đó. Tôi ngỡ thời gian không có chi thay đổi nhưng giấy nhập ngũ của anh và anh Bích đã đến như tiếng sét bên tai mình! Anh có vẻ hãnh diện "làm trai" nhưng tôi lại khóc không biết bao nhiêu lần trên vai anh; tôi buồn và gầy đi đến nỗi Bích cũng phải rủ anh ở lại luôn với gia đình tôi cho đến ngày anh đi, ngắn chi lạ, có một tháng đúng!....

Ra trường quân sự Thủ Đức, anh và Bích đeo lon Chuẩn Úy, anh Bích và anh chọn ngành Biệt Động Quân vì thích xông xáo, nhưng tôi lại mê anh tôi và anh chỉ vì bộ quần áo màu hoa rừng oai hùng và đẹp trong mắt tôi.

Những ngày phép về, tôi hãnh diện đi bên cạnh Vũ, đi dạo phố hay Vũ đưa tôi đến quán cà phê mà Vũ và các bạn anh mỗi lần về phép vẫn hay đến đây ngồi nhâm nhi lon bia, nói chuyện chiến sự...tôi thích ngồi nghe chuyện lính, bạn Vũ vẫn hay gheo tôi:

-Chị Hà là Em Gái Hậu Phương phải không? Chị có nhiều bạn không để giới thiệu cho bọn tôi, để mỗi lần ngoài tiền tuyến, lâu lâu chúng tôi sẽ nhận được những lá thư tình đầy thương nhớ và chiếc khăn tay thêu tên chuyện chúng mình, để những đêm lạnh lẽo tiền đồn,

những tặng vật ấy sẽ làm lòng chúng tôi ấm được đôi phần nhé chị.

....

Anh Bích tôi được về vì bị thương nặng trên đầu, một mảnh đạn trúng bên cạnh mắt, may mà cứu kịp thêm một vết sẹo trên trán, thiếu một cánh tay. Không ai biết tin tức Vũ, tôi buồn rạc người, cả tuần không ăn uống, ốm nhom. Tôi xin đổi chỗ dạy học vào Nam, vì tôi đã xong đại học sư phạm, đi đủ chỗ từ Saigon ra Trung, lên luôn đến tận Pleiku, nơi binh chủng Phi Vũ đã có lần đóng quân ở đây với hai nôi: Thứ nhất thử tìm đến những đơn vị BĐQ mũ Nâu xem có ai biết anh ở đâu không? Thứ đến muốn đi xa Huế để tâm hồn giả vờ được tịnh yên, nhưng cả hai chuyện tôi đều không làm xong, thời gian vẫn trôi và tôi vẫn còn đau đớn với con tim tan vỡ của mối tình đầu. Thấy tôi ngày càng gầy mòn, ba gửi tôi đi ngoại quốc học thêm, cho tôi chọn lựa ngành tôi muốn theo, và tôi đã theo ngành báo chí để lỡ có ngày tôi tìm ra tin tức anh. 30 năm trôi qua!

Anh! Hôm ấy em vào tòa soạn báo News VietNam, mắt em bỗng dừng khựng lại trên một tin ngắn nói về một người lính cựu chiến binh BĐQ. Một thi sĩ mang tên Phi Vũ đang ở Huế, vậy là hai ngày sau em giữ chỗ máy bay Paris - Saigon - Huế. Chiều nay, Thương Hà gọi taxi đi đến địa chỉ cầm trong tay. Đó là một ngôi nhà nhỏ ở trong Thành Nội, nhà nhìn vào sạch sẽ, có vườn hoa hồng trước nhà. Hà mở cổng bước vào gõ cửa. Thấy có hai cháu gái chắc chừng 15, 16 tuổi và cháu kia nhỏ hơn, khoảng chừng 10 tuổi bước ra chào rất lễ phép:

-Thưa, cô muốn hỏi ai?

Xin lỗi hai cháu, đây có phải nhà của ông Vũ không?

- Ông Nguyễn Phi Vũ?

- Dạ phải, nhưng ba cháu đi làm chưa về.

Lòng Hà chùng lại: anh đã có gia đình! Nước mắt Hà chập chờn quanh khoé, nhưng Hà không muốn hai cháu thấy.

- Vậy mẹ các cháu đâu? Cô có thể gặp được không?

- Dạ, mẹ mất lâu rồi cô, gần 10 năm rồi, chúng cháu chỉ còn ba và bà Ngoại thôi. Chắc ba cũng sắp về, mời cô vào nhà chơi uống nước với Ngoại, xong cô chị nói với vào:

-Ngoại ơi, có khách.

Hà cảm ơn, hỏi:

- Hai cháu tên gì?

-Dạ cháu tên là Anh Thương và em cháu là Anh Hà! Hà thấy như trời đất muốn đảo.

- Trời ơi! Trong bao nhiêu năm xa cách, anh dù có gia đình mà vẫn còn yêu em đến nỗi lấy tên em đặt cho con! Không dám vào nhà, sợ thấy Hà khóc, bà Ngoại của hai cháu sẽ ngạc nhiên, Hà nói với Anh Thương:

- Cháu cứ để cô tự nhiên, cô đi quanh vườn xem hoa một tí nhé.



Anh! Em ra vườn đi loanh quanh, vườn tuy nhỏ

nhưng rất đẹp, em biết có bàn tay anh săn sóc, giữa những bụi hồng đủ màu, lại có một khóm hồng tím, em không cầm được lòng mình, em khóc nức nở, em không nghe tiếng chân của một người bên cạnh, có tiếng tăng hăng, em giật mình quay lại, một bà cụ già tóc trắng cầm chiếc gậy, em hiểu đó là ai, mẹ của chị! Hình như bác không nhìn thấy con? Bà cụ nghe tiếng em:

- Anh Thương ơi! Ai đây con?

Anh Thương chạy ra cầm tay bà:

- Dạ khách của ba con đó Ngoại à!

- Răng con không mời khách vô nhà?

- Dạ tại cô muốn đi xem vườn hoa của ba đó Ngoại.

Bà cụ quơ tay tìm tay tôi, tôi đưa tay cho bà nắm, bà lấy tay xoa xoa cánh tay tôi, mỉm cười dịu dàng:

- Thôi cháu cứ ở chơi, lát thằng Vũ về rồi cháu vào uống nước nghe. Tôi dạ nhỏ, chờ Ngoại các cháu và Thương Hà vào nhà, tôi lại để cho nước mắt tha hồ tuôn. Bước đến bụi hồng tím, ngắt mấy chiếc lá vàng bị sâu ăn, có tiếng giày dừng sau lưng, tôi quay lại:

- Thương Hà! Tui có mê không? có thiệt là em không?

Vũ chụp vai tôi lay mạnh. Vũ nhìn tôi, hiểu ngay là tôi vì những giọt nước mắt còn đọng hai bên khoé môi đủ chứng minh điều anh vừa hỏi!

- Răng em biết anh ở đây mà tới?

Răng..., răng... răng, anh hỏi tôi dồn dập làm tôi không kịp trả lời, Vũ ôm chầm lấy tôi, siết thật chặt trong vòng tay anh. Chiều hôm đó, Vũ bắt tôi phải ở lại ăn cơm với cha con anh và Ngoại của các cháu. Anh kể cho tôi nghe chuyện của anh từ ngày anh xa tôi đến bây giờ, bao nhiêu tan thương đã xảy đến, trong một lúc anh bị thương nặng tưởng không còn sống được, anh lấy hết can đảm kể chuyện tình anh và tôi cho vợ nghe, chị rất cảm thông.

Sau này, khi chị bị mảnh bom trên ngực, vết thương quá nặng không thể cứu được, chị gọi anh và hai cháu vào, chị bắt Vũ hứa với chị không được làm lại cuộc đời trước khi chưa có tin tức của tôi, chị bắt anh hứa là phải tìm tôi để anh tiếp tục sống và bảo hai con nếu ba tìm ra cô Thương Hà ba phải đưa cô về sống với các con và bắt chúng hứa là sẽ thương tôi như mẹ.

Các cháu và anh gật đầu, xong chị tắt thở. Anh Hà còn nhỏ không hiểu lời mẹ dặn, chỉ có Anh Thương đã lớn hỏi lại cha nó tại sao người mẹ chúng vừa nói lại trùng tên với em nó và nó? Anh chỉ cắt nghĩa sơ qua thôi. Tối nay trăng sáng lắm, Vũ đưa tôi về bằng xe dream của anh, anh hỏi tôi và lo tôi đã có gia đình rồi nhưng anh nhìn mắt tôi, Vũ đã hiểu, em làm sao yêu thương ai ngoài anh! Té ra anh vẫn liên lạc với anh Bích mà Bích không cho tôi hay vì sợ tôi buồn là anh đã có gia đình, Bích biết vợ anh chết, nhưng điều Bích không ngờ đến là lời trăn trối của chị để lại nên Bích giấu biệt chuyện đã thường gặp anh.

Tối ni về, tôi sẽ cắn tay anh ấy như hồi tôi còn nhỏ mỗi lần anh ấy chọc phá em gái mình! Trước khi Vũ mở máy, Vũ ôm tôi trong tay:

- Lo sửa soạn mà về với cha con tui nghe o... à...o Thương chi lạ! Vũ ơi! Mới vào đêm mà sao em lại ngỡ trời đang rạng đông...

* *Gửi một người rất có duyên với Huế.

Đông Hương